

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/DS-ST
Ngày 27/9/2024
“V/v tranh chấp nợ hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lil

Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp nợ hui. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Yến L, sinh năm 1996, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đồng bị đơn: Bà Trương Ngọc H, sinh năm 1981, (có mặt)

Ông Lê Văn G, sinh năm 1974, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2024, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Tô Yến L trình bày: Chị có tham gia chơi hui do Bà Trương Ngọc H làm chủ, cụ thể như sau: Dây hui 3.000.000 đồng; hui khai ngày 30/4/2022. Tôi tham gia 02 chân hui, hàng tháng chị đều đóng hui cho bà Hà đầy đủ, tuy nhiên khi chị bỏ hui hốt 01 chân hui thì bà Hà không chung hui cho và tuyên bố dừng hui luôn với tôi. Nên tôi khởi kiện yêu cầu bà H và ông G trả tiền nợ hui cho tôi là 22 chân hui chết số tiền 132.000.000 đồng.

Tuy nhiên hiện nay khi tính lại hui và cần trừ với nhau thì bà H và ông G còn thiếu là 21 lần số tiền 126.000.000 đồng.

Nên tôi làm đơn rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện tôi yêu cầu bà H và ông G là chồng bà H cùng có trách nhiệm trả cho tôi số 126.000.000 đồng.

- Bị đơn Bà Trương Ngọc H trình bày: Tôi có làm chủ hui dây hui 3.000.000 đồng và L có tham gia 02 chân hui trong dây hui này; dây hui khai ngày 30/4/2022. Tôi thừa nhận L có tham gia 02 chân hui trong dây hui này; hui khai tôi có làm danh sách giao cho hui viên và hàng tháng tôi hưởng hoa hồng là 1.800.000 đồng trên 1 chân hui mà hui viên hót hui. Khi L hót hui 01 chân thì do khó khăn thì tôi chưa kịp chung hui nên L đã đi kiện tôi, nên tôi và L đã dừng hui lại tại kì 23. Hiện nay hui vẫn chưa mãn nhưng tôi yêu cầu L phải đóng lại cho tôi 05 lần hui đến khi mãn. Do là hui 30 chân, L tham gia 2 chân đã trừ ra và trừ thêm 02 chân hui L không đóng, nên L chỉ đóng cho tôi 21 kì hui, còn 05 lần nữa mãn nên tôi yêu cầu L phải đóng lại cho tôi 30.000.000 đồng. Tôi đồng ý trả lại cho L 96.000.000 đồng. Chứ không đồng ý trả 126.000.000 đồng. Đây là ý kiến trình bày chứ tôi không làm đơn phản tố để bù trừ nghĩa vụ.

Hiện nay chồng tôi là Ông Lê Văn G đã đi làm trên biển nên không thể tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án, chồng tôi cũng biết việc tôi mở hui và biết việc tôi còn thiếu tiền hui của L.

Bị đơn Ông Lê Văn G trình bày: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập Ông Lê Văn G tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Trung vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 72; bị đơn Ông Lê Văn G thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39; khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biểu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Tô Yến L đối với Bà Trương Ngọc H và Ông Lê Văn G; buộc Bà Trương Ngọc H và Ông Lê

Văn G trả cho chị L số tiền 126.000.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Bà Trương Ngọc H và Ông Lê Văn G phải chịu số tiền 6.300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí 3.300.000 đồng, theo biên lai thu số 0010331 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tô Yến L tranh chấp nợ hui với Bà Trương Ngọc H và Ông Lê Văn G, nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về giao dịch dân sự, cụ thể là tranh chấp về nợ hui; Bà Trương Ngọc H và Ông Lê Văn G cư trú tại ấp Thạnh 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[1.2] Ngày 05/7/2024 chị L có đơn rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui là 132.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền nợ hui là 126.000.000 đồng. Rút lại 6.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu mà chị L đã rút.

[2]. Bị đơn Ông Lê Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật. Xử vắng mặt bị đơn Ông Lê Văn G là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L yêu cầu bà H và ông G trả số tiền 126.000.000 đồng tiền nợ hui. Bà Trương Ngọc H thừa nhận bà có mở dây hui 3.000.000 đồng và chị L tham gia 2 chân hui, sau khi cân trừ số tiền hui thì bà còn nợ chị L 21 lần tổng cộng là 126.000.000 đồng và hai bên đã dừng hui với nhau, hiện nay dây hui còn 5 chân hui sống, bà Hà yêu cầu chị L đóng lại cho bà số tiền 30.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền nợ hui còn lại là 96.000.000 đồng, chứ không đồng ý trả số tiền nợ hui là 126.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy bà thừa nhận bà còn nợ số tiền nợ hui là 21 kỳ mỗi kỳ 6.000.000 đồng tổng cộng là 126.000.000 đồng; đây là sự thừa nhận của đương sự phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn trình nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

Đối yêu cầu cân trừ hui lại đối với số tiền 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy giữa hai bên đã ngưng hui với nhau và hiện nay hui vẫn chưa mãn, Tòa án

có yêu cầu bà nộp đơn phản tố để bù trừ nghĩa vụ tuy nhiên bà không thực hiện nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu.

Ông Lê Văn G và bà Hà là vợ chồng hợp pháp mở hụi tạo thêm thu nhập trong gia đình, ông Gan cũng biết việc mở và nợ hụi, nên nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung của vợ chồng nên ông Gan phải có nghĩa vụ liên đới cùng có trách nhiệm với bà Hà trả cho chị L số tiền 126.000.000 đồng theo quy định tại Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trên cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L yêu cầu bà H và ông G trả số tiền nợ 126.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ do chị L tự nguyện không yêu cầu nên căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà H và ông G phải chịu số tiền 6.300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị L không phải chịu án phí, Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.300.000 đồng theo biên lai thu số 0010331 ngày 03/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 3.300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 238, 271, 273; 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về hộ, hụi, biên, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Tô Yến L đối với Bà Trương Ngọc H và Ông Lê Văn G số tiền 6.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Tô Yến L đối với Bà Trương Ngọc H và Ông Lê Văn G.

- Buộc Bà Trương Ngọc H và Ông Lê Văn G trả cho Chị Tô Yến L số tiền hụi 126.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bà H và ông G phải chịu số tiền 6.300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị L không phải chịu án phí, Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.300.000 đồng theo biên lai thu số 0010331 ngày 03/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 3.300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, kể từ ngày bản án được tổng đặt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Kiều Diễm